

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2026/KDTM-PT**

Ngày 26/3/2026

V/v: TC Hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Hoa - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2026/QĐ-PT ngày 13/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2026/QĐ-PT ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần D.

Địa chỉ: Tòa V, đường C, khu đô thị V, Phường P, Quận L, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành L - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Thúy L1 - Chức vụ: Giám đốc Điều hành Thị trường Việt Nam. (Theo Giấy ủy quyền số 361/2024/GUQ-GSM.JSC ký ngày 05 tháng 09 năm 2024).

Đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng:

1. Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1984

Địa chỉ liên hệ: T, Thôn Đ, Phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Bà Trần Thị Như M, sinh năm 1994.

Địa chỉ liên hệ: Vin Com + N, G T, phường T, Tp .. Có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thái Khắc T

Địa chỉ trụ sở chính: Số E đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (Địa chỉ cũ: Số E đường T, Tổ dân phố D, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đặng Thanh Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: ADV,01. Nhà ở xã hội, T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Hợp tác xã D1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thái Khắc T.

Địa chỉ: D H, phường B, tỉnh Đắk Lắk. (Địa chỉ cũ D H, Phường A, Thị Xã B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty cổ phần Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/07/2023, Công ty cổ phần D ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 05/2023/HTX D1 (“Hợp đồng (1)”) với Chi nhánh Hợp tác xã D1 (“T”) về việc Xanh SM cho Thanh H thuê 250 xe ô tô chủng loại VFe34 - thương hiệu V trong tình trạng mới, hoạt động tốt – để sử dụng cho hoạt động kinh doanh với chi tiết về phí dịch vụ thuê xe cũng như các chi phí khác trong Hợp đồng (1). Thực hiện Hợp đồng (1), Thanh H cọc trước cho Xanh SM số tiền là 1.883.000.000đ (Một tỷ tám trăm tám mươi ba triệu đồng) cho việc nhận bàn giao đợt một 50 xe VFe34 từ Xanh SM (30 xe vào tháng 7/2023 và 20 xe vào tháng 8/2023).

Đến tháng 10/2023 thì Thanh H và Công ty cổ phần Đ (“Ecogo”) đề nghị Xanh SM được chuyển giao Hợp đồng (1) từ T sang E. Theo đó, ngày 19/10/2023, Thanh H, E và Xanh SM đã ký một thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ (“TT3B”) của Hợp đồng (1) từ T sang E. Theo đó, E đã nhận chuyển giao và kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Thanh H đối với Xanh SM quy định tại Hợp đồng (1). Đồng nghĩa, E nhận chuyển giao toàn bộ số xe thuê, quyền thuê xe, nghĩa vụ thanh toán, tiền cọc, công nợ, ... từ T, bao gồm tiền cọc 1.883.000.000đ và công nợ phí dịch vụ thuê xe của Thanh H với Xanh SM là 38.003.479đ (Ba tám triệu, ba nghìn bốn trăm bảy chín đồng./.).

Ngày 18/10/2023, X và E ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 16/2023/HDDVCTX/GSM-ECOGO (“Hợp đồng (2)”) về việc Xanh SM cho E thuê 81 xe ô tô điện bao gồm 80 xe VFe34 và 01 xe VF8 Plus mới, hoạt động tốt.

Tiếp đó, ngày 03/01/2024, Xanh SM và E tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 34/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO (“Hợp đồng (3)”) về việc Xanh SM cho E thuê 100 xe máy điện VinFast Feliz S mới 100%, hoạt động tốt.

Ngày 26/01/2024, X và E tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 40/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO (“Hợp đồng (4)”) về việc Xanh SM cho E thuê 10 xe ô tô điện VinFast VF5 Plus mới hoạt động tốt.

Sau khi ký kết các Hợp đồng (1), (2), (3) và (4), X đã bàn giao tổng cộng 71 xe ô tô và 100 xe máy cho E (gồm 60 xe ô tô VFe34, 01 xe ô tô VF8, 10 xe ô tô VF5 và 100 xe máy điện Feliz S) với đơn giá thuê chi tiết tại từng hợp đồng, còn E chuyển tiền cọc cho Xanh SM 04 lần, tổng cộng: 2.568.450.000 đồng như sau: Lần 1 (chuyển giao từ T sang): 1.883.000.000đ; Lần 2: 101.500.000đ; Lần 3: 200.000.000đ; Lần 4: 149.950.000đ; Lần 5: 234.000.000đ.

Tổng số tài sản mà Công ty cổ phần D đã giao cho bị đơn Công ty cổ phần Đ thuê sử dụng là: 60 xe ô tô Vfe34, 10 xe ô tô VF5, 1 xe ô tô Vf8, và 100 xe máy điện.

Công ty cổ phần Đ đã thanh toán các khoản tiền như sau: Số tiền thuê tài sản do Công ty T1 thanh toán: 980.024.759 đồng; Số tiền E đã thanh toán: 2.786.069.235 đồng; Số tiền cọc do Công ty T1 và E đã chuyển cho GSM: 2.568.450.000 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng diễn ra bình thường cho tới tháng 12/2023, E liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí thuê xe và không có thiện chí khắc phục.

Từ tháng 12/2023 đến nay, X đã nhiều lần liên hệ, gửi email, công văn đề nghị Ecogo thanh toán công nợ. Tuy nhiên, E đã không hợp tác hay có bất kỳ thiện chí nào thể hiện tinh thần khắc phục các vi phạm của mình. Nhận thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm và để đảm bảo an toàn cho số tài sản của Xanh SM mà E đang sử dụng nên X đã đề nghị chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu E giao trả xe. Dù vậy, E đã không hợp tác và né tránh liên lạc với Xanh SM, buộc Xanh SM phải tự tiến hành thu hồi xe về mà không có bất kỳ sự phối hợp nào đến từ E trong quá trình bàn giao lại xe. Sau khi thu hồi xe, phát hiện các phương tiện có nhiều hư hại nên Xanh SM phải sửa chữa trước khi cho bên khác thuê hoặc đưa vào kinh doanh vận tải.

Hiện nay Công ty cổ phần D khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết: Buộc Công ty cổ phần Đ thanh toán cho Công ty cổ phần D và Thông minh GSM số tiền nợ tiền thuê xe là 1.159.074.829 đồng. Công ty cổ phần D và Thông minh GSM xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản chi phí sạc điện Ecogo còn nợ VinFast mà GSM đã trả thay: 99.750.205 đồng và chi phí sửa chữa, vận chuyển, kiểm tra 61 xe đã thanh toán: 1.813.601.628 đồng.

*** Quá trình làm việc và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Đặng Thanh Q trình bày:**

Giữa Công ty cổ phần D và thông minh GSM và Công ty cổ phần Đ ký kết và thực hiện 04 Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe, bao gồm:

1. Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 05/2023/HDDV/CT/GSM-HTX VẬN TẢI THANH HÀ ngày 07/07/2023 (chuyển giao cho ECOGO vào tháng 10/2023)

2. Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 16/2023/HDDVCTX/GSM-ECOGO ngày 18/10/2023.

3. Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 34/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO ngày 03/01/2024.

4. Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 40/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO ngày 26/01/2024.

Thực hiện Hợp đồng, GSM đã bàn giao cho ECOGO số lượng 71 xe ô tô (60 xe VFe 34, 10 xe VF5, 01 xe VF8) và 100 xe máy. Hai bên thực hiện hợp đồng bình thường cho đến tháng 04/2024, tình hình hoạt động của ECOGO gặp khó khăn, do đó, ECOGO đã làm văn bản số 07/CV-Cty ngày 20/4/2024 đề nghị GSM một số nội dung bao gồm chuyển Hợp đồng thuê xe sang mua đối với 60 chiếc Vfe 34, vẫn tiếp tục thuê 100 xe máy điện; ECOGO đã tiến hành thủ tục pháp lý, thẩm định xe để làm việc với Ngân hàng giải ngân đúng tiến độ mua xe. Vì vậy, mong muốn của phía ECOGO là mua lại toàn bộ xe đã thuê chứ không phải không hợp tác với GSM nhưng phía GSM liên tục yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và thu hồi xe.

Các chi phí phía GSM yêu cầu Tòa án giải quyết không phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng giữa hai bên, các chứng từ có sự mâu thuẫn với số liệu nguyên đơn yêu cầu, cụ thể:

Theo Khoản 4.2.3, Điều 4 các Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 05/2023; 16/2023; 40/2024 về Giao nhận xe quy định: "Bên B có trách nhiệm bàn giao lại xe cho Bên A vào ngày chấm dứt Hợp đồng, tại địa điểm là cơ sở bảo hành hoặc trạm dịch vụ ủy quyền của VinFast do Bên A chỉ định, Bên A trong phạm vi khả năng của mình chỉ định địa điểm bàn giao xe gần với cơ sở của Bên B. Các thông tin xe liệt kê trên biên bản bàn giao trả xe cần được kiểm tra và xác nhận bởi các cơ sở và trạm dịch vụ này, chi phí vận chuyển xe tới địa điểm trả và chi phí kiểm tra xe do Bên B chịu. Việc bàn giao trả xe chỉ được coi là hoàn thành sau khi Bên B đã khắc phục, sửa chữa mọi mất mát, hư hỏng, thiệt hại đối với xe, đưa xe về tình trạng nguyên trạng như khi nhận bàn giao từ Bên A (trừ các hao mòn tự nhiên)."

Riêng đối với Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 34/2024 quy định: "Bên B có trách nhiệm bàn giao lại xe cho Bên A vào ngày chấm dứt Hợp đồng, tại địa điểm là cơ sở bảo hành hoặc trạm dịch vụ ủy quyền của VinFast do Bên A chỉ định, Bên A cam kết phạm vi địa điểm bàn giao xe được chỉ định gần với cơ sở của Bên B được xác định trong bán kính không vượt quá 05 km. Các thông tin xe liệt kê trên biên bản bàn giao trả xe cần được kiểm tra và xác nhận bởi các cơ sở và trạm dịch vụ này, chi phí vận chuyển xe tới địa điểm trả và chi phí kiểm tra xe do Bên B chịu. Việc bàn giao trả xe chỉ được coi là hoàn thành sau khi Bên B đã khắc phục, sửa chữa mọi mất mát, hư hỏng, thiệt hại đối với xe, đưa xe về tình trạng nguyên trạng như khi nhận bàn giao từ Bên A (trừ các hao mòn tự nhiên như lốp xe, phanh (thắng) xe). Tình trạng nguyên trạng được hiểu là các bộ phận của xe không được nứt, vỡ, khả năng vận hành và các chức năng sử dụng bình thường."

Tại Công văn số 349 thông báo chấm dứt Hợp đồng thì GSM yêu cầu ECOGO bàn giao toàn bộ xe tại địa điểm là D2 là không đảm bảo bán kính không vượt quá 05 km với cơ sở của Bên B theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Mặc dù thông báo là bàn giao tại D2 nhưng GSM lại di chuyển 100 chiếc xe máy từ Đắc Lắc về nhà máy H1 và yêu cầu ECOGO chịu chi phí di chuyển là không đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Đồng thời, việc sửa chữa xe là để đưa xe về tình trạng nguyên trạng như khi nhận bàn giao từ Bên A trừ các hao mòn tự nhiên. Nhưng trong hồ sơ sửa chữa xe mà GSM tự thực hiện thì các cơ sở sản xuất đều sửa chữa các phụ tùng thuộc về hao mòn tự nhiên là đa số; đồng thời nhiều xe chỉ ghi nội dung sửa xe, không ghi rõ sửa những chi tiết gì. Vì vậy, ECOGO không phải chịu nghĩa vụ thanh toán đối với các chi phí này.

Hơn nữa, thời điểm GSM đề nghị chấm dứt Hợp đồng là ngày 12/4/2024, GSM đã nhận bàn giao và thu hồi toàn bộ xe vào thời điểm giữa năm 2024 nhưng đến tháng 5 - tháng 6 năm 2025 (01 năm sau) GSM mới thực hiện sửa chữa xe ở nhiều cơ sở tại các khu vực khác nhau trên cả nước, nên không thể xác định những nội dung mà GSM tự sửa chữa là do lỗi của ECOGO khi sử dụng xe.

Bên cạnh đó, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán về chi phí di chuyển, kiểm tra, sửa chữa xe trong Đơn khởi kiện, các đơn sửa đổi nội dung khởi kiện có sự mâu thuẫn, không khớp với các chứng từ, hóa đơn mà GSM cung cấp cho Tòa án.

Từ những nội dung nêu trên, phía bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng Hợp tác xã D1 vắng mặt

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/KDTM-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đắc Lắc đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 422, 428, 472, 481, 482, 683, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D

Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần D tổng số tiền chi phí thuê tài sản là 1.159.074.829 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[1.2]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty cổ phần D về chi phí sạc điện Ecogo còn nợ VinFast mà GSM đã trả thay: 99.750.205 đồng và chi phí sửa chữa, vận chuyển, kiểm tra 61 xe đã thanh toán: 1.813.601.628 đồng.

Công ty cổ phần D được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 46.772.000 đồng (làm tròn) và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 3.000.000đ.

Ngày 09/10/2025, bị đơn Công ty cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán tiền thuê xe. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, thì cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán chi phí thuê xe còn nợ với số tiền 1.159.074.829 đồng, và đình chỉ giải quyết phần nội dung mà Công ty cổ phần D và Thông minh GSM xin rút yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu thêm án phí không giá ngạch là không đúng quy định bởi cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu nào không xác định giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về án phí theo hướng không buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với nội dung cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Đ) trả cho Công ty cổ phần D (viết tắt là Công ty D) số tiền thuê tài sản còn nợ là 1.159.074.829 đồng:

Ngày 07/07/2023, Công ty D ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 05/2023/HTX D1 với Chi nhánh Hợp tác xã D1 về việc Xanh SM cho Thanh H thuê 250 xe ô tô chủng loại VFe34 - thương hiệu VinFast

Tháng 10/2023, Công ty T1, Công ty Đ và Công ty D đã ký thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 05/2023/HDDV/CT/GSM-HTX VẬN TẢI THANH HÀ ngày 07/07/2023 từ T sang Công ty Đ. Theo đó, Công ty Đ nhận chuyển giao và kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Thanh H đối với Công ty D quy định tại Hợp đồng.

Ngày 18/10/2023, Công ty D và Công ty Đ ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 16/2023/HDDVCTX/GSM-ECOGO về việc Xanh SM cho E thuê 81 xe ô tô điện bao gồm 80 xe VFe34 và 01 xe VF8 Plus mới, hoạt động tốt.

Ngày 03/01/2024, Công ty D và Công ty Đ ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 34/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO về việc Xanh SM cho E thuê 100 xe máy điện VinFast Feliz S mới 100%, hoạt động tốt.

Ngày 26/01/2024, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ cho thuê xe số 40/2024/HDDVCTX/GSM-ECOGO về việc Xanh SM cho E thuê 10 xe ô tô điện VinFast VFS Plus mới hoạt động tốt.

Bị đơn thừa nhận có ký các hợp đồng trên với nguyên đơn, tuy nhiên sau khi nhận tài sản cho thuê để kinh doanh thì việc làm ăn gặp nhiều khó khăn. Sau khi nhận công văn số 349 ngày 12/4/2024 của Công ty D về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng và hoàn tất việc trả công nợ cho thuê xe thì bị đơn đã phản hồi đề nghị chuyển hình thức làm ăn từ việc thuê xe thành việc mua lại 60 xe ô tô VF34 và nguyên đơn đã đồng ý, tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh về việc hai bên đã thống nhất phương án như bị đơn trình bày.

Tiền thuê xe trong vụ việc được xác định theo đơn giá quy định trong hợp đồng, cụ thể: đối với xe VFe34 là 15.332.000 đồng/xe/tháng; xe VF8 Eco là 25.834.000 đồng/xe/tháng; xe VF5 là 12.894.000 đồng/xe/tháng, đều không giới hạn số km; đối với xe máy điện là 1.264.000 đồng/xe/tháng, giới hạn 2.000 km/tháng và phụ thu 411 đồng/km đối với phần vượt quá giới hạn.

Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn phát hành, bảng kê chi tiết hóa đơn và các chứng từ thanh toán do các bên cung cấp, tổng số tiền thuê xe phát sinh giữa E và GSM là 5.743.329.466 đồng. Trước khi chuyển giao hợp đồng cho E, giữa GSM và Công ty T1 đã phát sinh tiền thuê đối với 50 xe VFe34 với tổng số tiền là 1.750.289.357 đồng. Tổng số tiền thuê là 7.493.618.823 đồng.

Tổng số tiền thuê mà Thanh H đã thanh toán cho GSM là 980.024.759 đồng, E đã thanh toán cho GSM số tiền là 2.786.069.235 đồng, tiền cọc mà Thanh H và E đã chuyển cho GSM là 2.568.450.000 đồng. Tổng cộng 6.334.543.994 đồng. Sau

khi đối trừ, khoản công nợ tiền thuê xe còn tồn đọng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng là 1.159.074.829 đồng. Số tiền thuê xe còn nợ được bị đơn thừa nhận là đúng. Tuy nhiên bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm về trình tự, thủ tục khi yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 12/4/2024, Công ty G đã có công văn số 349 về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng và hoàn tất việc trả công nợ cho thuê xe. Công ty Đ đã phản hồi bằng các công văn số 07 ngày 10/4/2024, công văn số 09 ngày 22/4/2024, công văn số 11 ngày 28/5/2024 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Công ty Đ thuê tài sản và vi phạm hợp đồng thuê về điều khoản thanh toán quy định tại Điều 3 của các hợp đồng thuê tài sản. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền thuê còn nợ 1.159.074.829 đồng là đúng quy định tại Điều 481 Bộ luật dân sự.

[1.2] Đối với nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng án sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm thủ tục tố tụng vì theo quy định tại Điều 243 BLTTDS thì việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ được thực hiện tại thủ tục hỏi đương sự, nhưng thực tế đến phần tranh luận nguyên đơn mới xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét thấy: Tại Điều 5 (Chương II. Những nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng dân sự) quy định quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tòa án chỉ giải quyết khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự. Bộ luật tố tụng dân sự không giới hạn quyền rút yêu cầu khởi kiện của đương sự trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, khi nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phần tranh luận, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không trái quy định của pháp luật.

[1.3] Về án phí: Án sơ thẩm chỉ giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền thuê xe còn nợ nên buộc bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 46.772.000 đồng (làm tròn) là đúng quy định. Án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu nào không xác định được giá trị nhưng vẫn buộc bị đơn chịu thêm 3.000.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là không đúng khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về án phí như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần Đ. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2025/KDTM-ST ngày 25/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk về án phí sơ thẩm.

- Căn cứ các điều 472, 481, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D.

Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần D và Thông minh GSM tổng số tiền thuế tài sản là 1.159.074.829 đồng (*Một tỷ một trăm năm chín triệu không trăm bảy tư ngàn tám trăm chín hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D và Thông minh GSM, phần nội dung yêu cầu Công ty cổ phần Đ thanh toán chi phí sạc điện Ecogo còn nợ VinFast mà GSM đã trả thay: 99.750.205 đồng và chi phí sửa chữa, vận chuyển, kiểm tra 61 xe đã thanh toán: 1.813.601.628 đồng.

Công ty cổ phần D được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[3.1] Công ty cổ phần Đ phải chịu 46.772.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3.2] Hoàn trả cho Công ty cổ phần D và Thông minh GSM số tiền 56.539.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001206 ngày 04/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B(Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk)

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ (gồm 300.000 đồng theo biên lai số: 0002778 ngày 20 tháng 10 năm 2025 do ông Nguyễn S nộp thay và 1.700.000 đồng theo biên lai số: 0003547 ngày 28 tháng 10 năm 2025 do Lê Huyền A nộp thay).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1-Đắk Lắk;
- Cổng thông tin điện tử TA
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương